

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 78,500 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 9.0% | 15.4% | 15.1% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 44,773 - 78,500 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 4,513 |
| Số lượng CPLH (CP) | 57,489,430 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 3,385 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.3% |
| Beta | 0.21 |
| EPS | 7,450 |
| P/E | 10.5 |

DT thuần

Q1/24

2,463

tỷ VNĐ

QoQ: ▼724| -22.7%

YoY: ▲457| 22.8%

LN trước thuế

Q1/24

99.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼38.0| -27.7%

YoY: ▲10.5| 11.9%

LN sau thuế

Q1/24

79.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼28.9| -26.8%

YoY: ▲8.90| 12.6%

ROA

2023

9.8%

+/- YoY: ▲3.0%

DT thuần

2023

10,084

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,250| -11.0%

LN trước thuế

2023

529

tỷ VNĐ

YoY: ▲47.0| 9.7%

LN sau thuế

2023

420

tỷ VNĐ

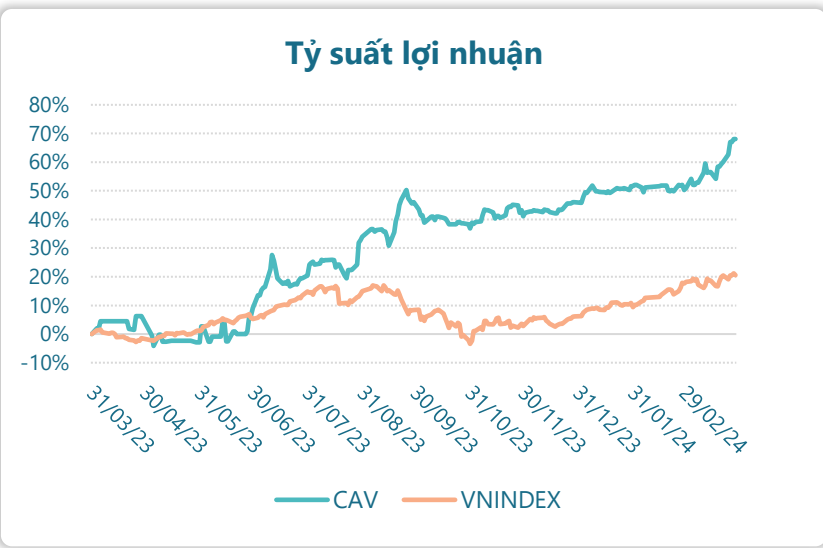
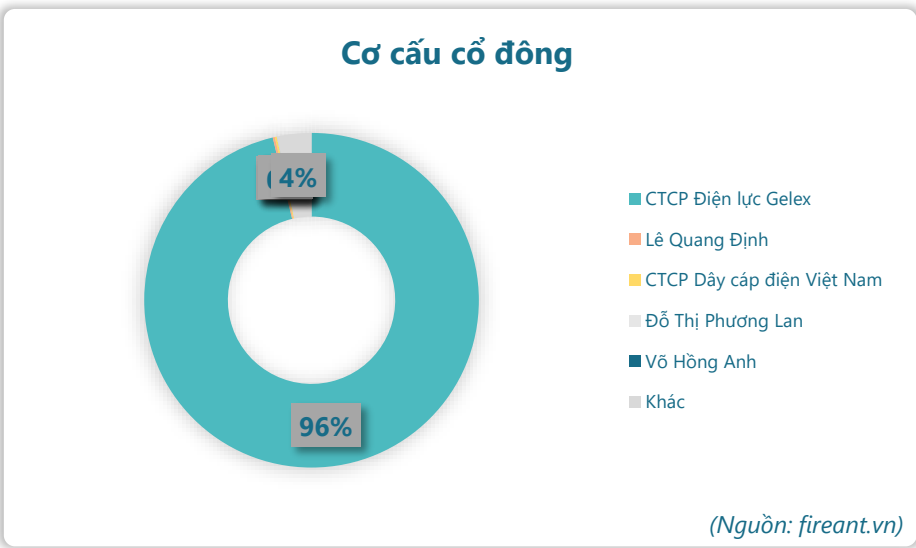
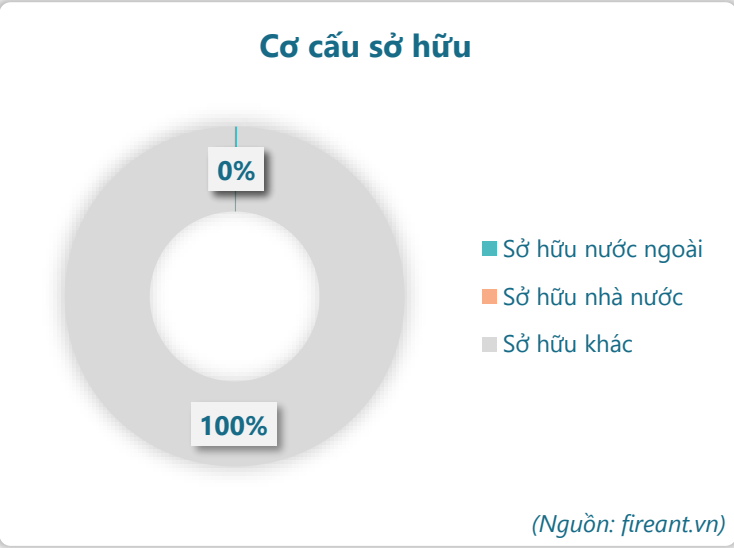
YoY: ▲36.0| 9.4%

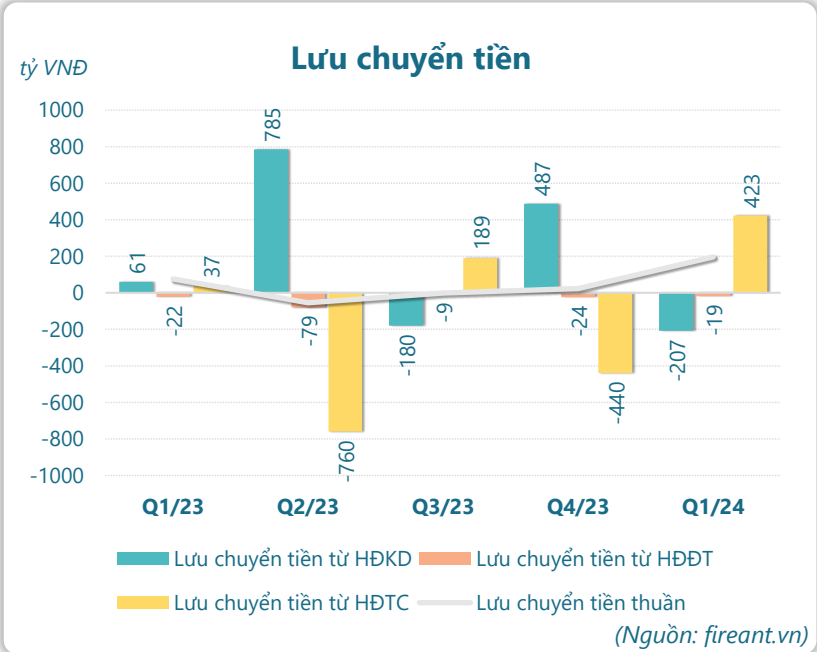
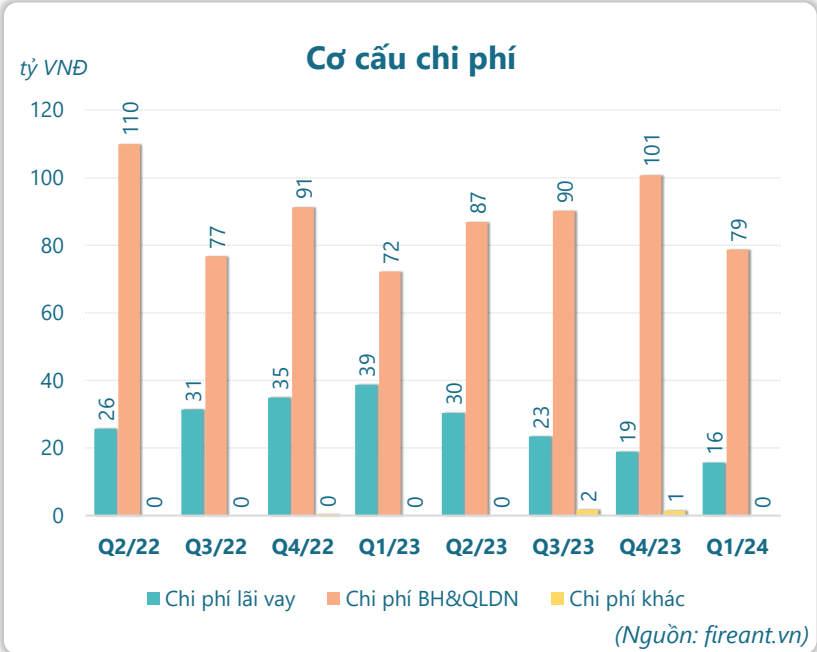
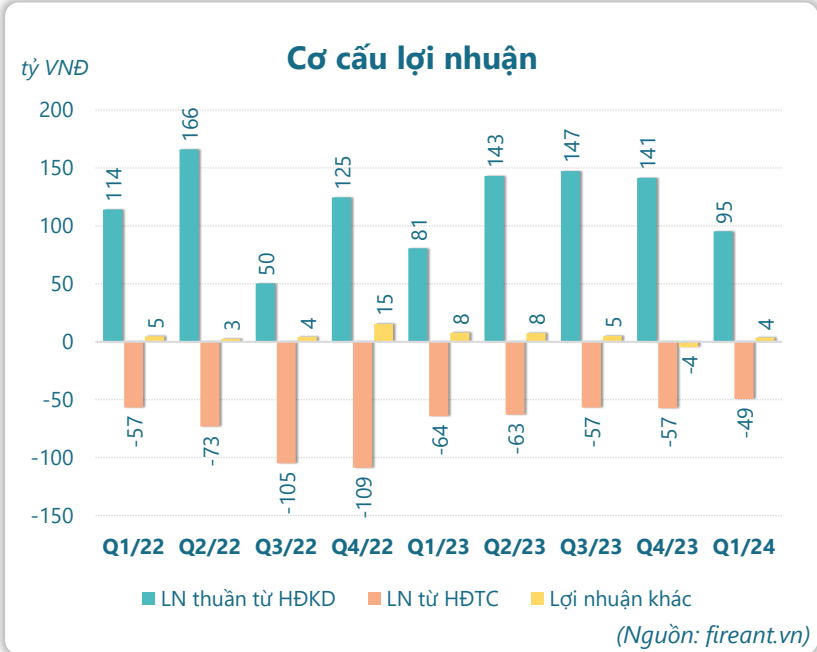
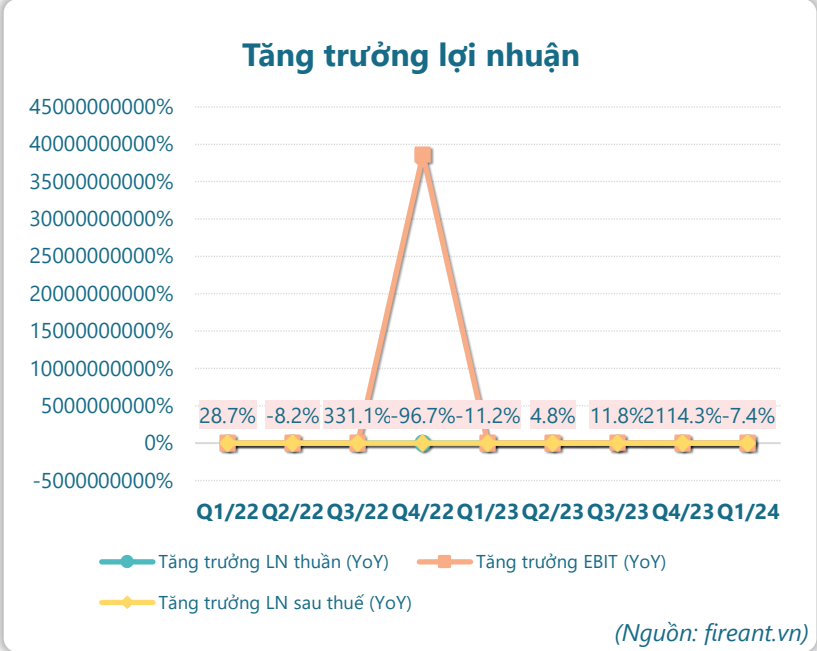
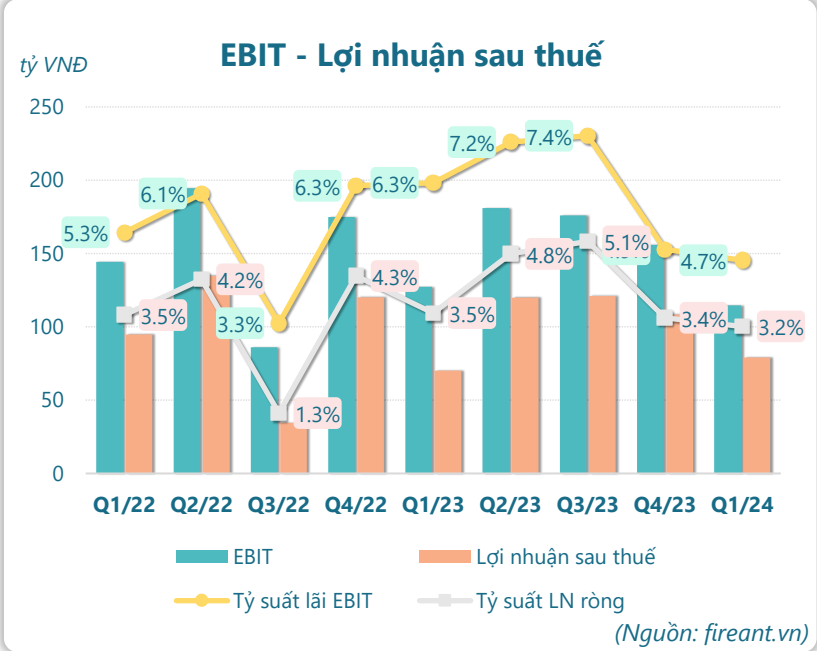
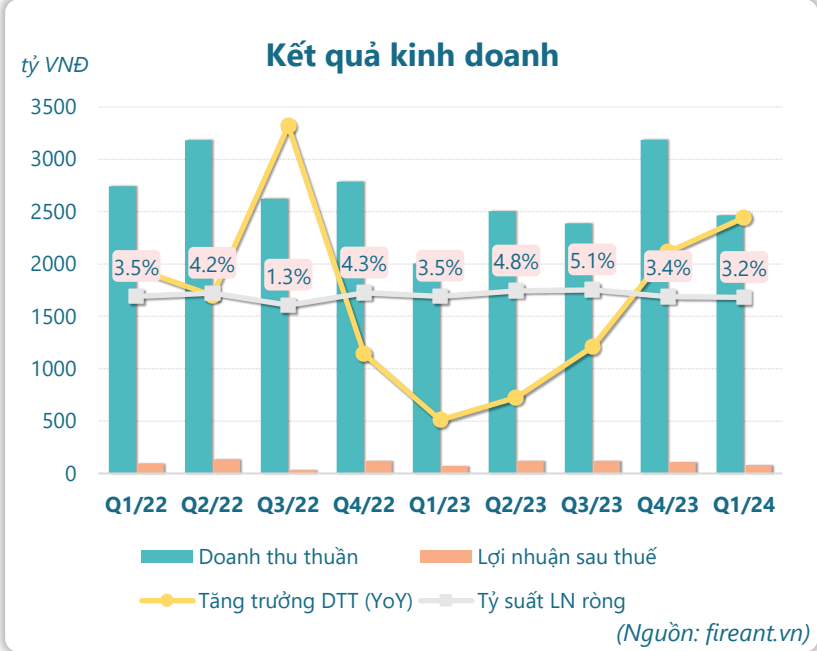
ROE

2023

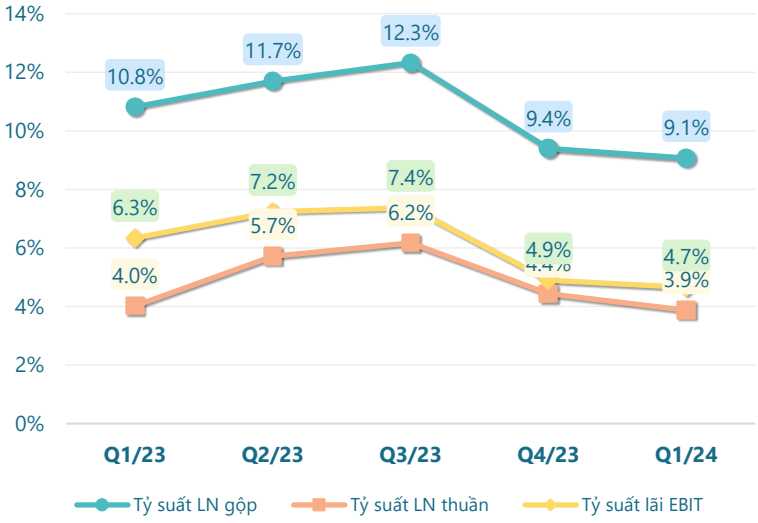
25.7%

+/- YoY: ▲4.5%



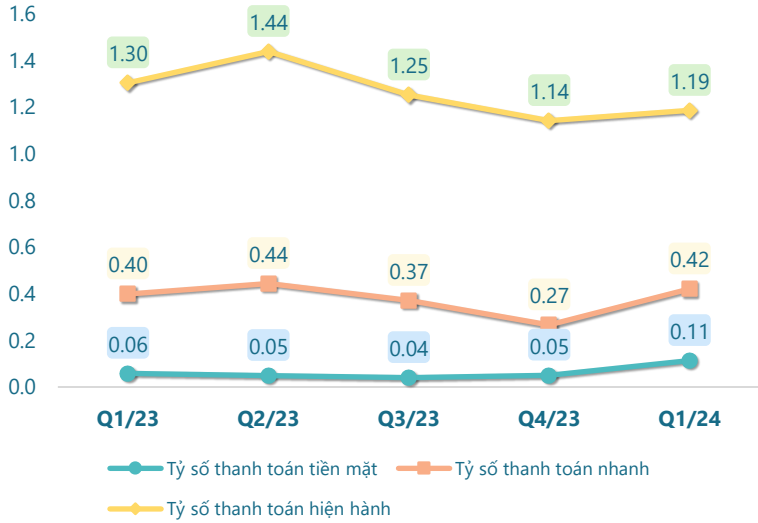


Tỷ suất lợi nhuận



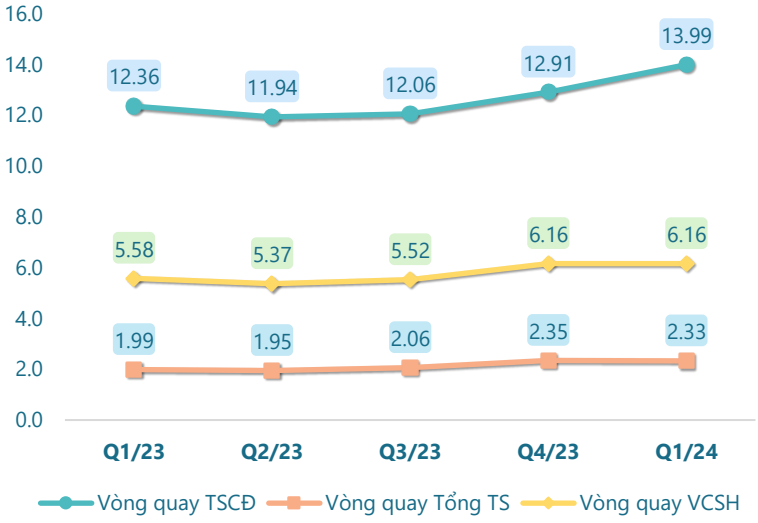
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



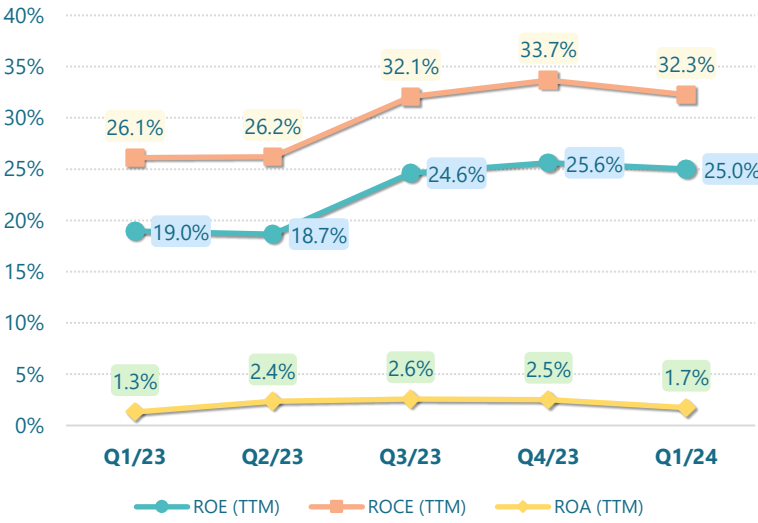
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



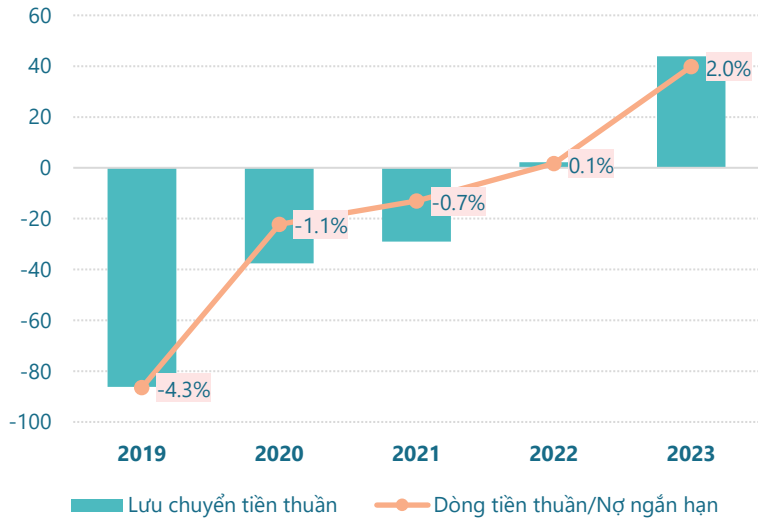
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



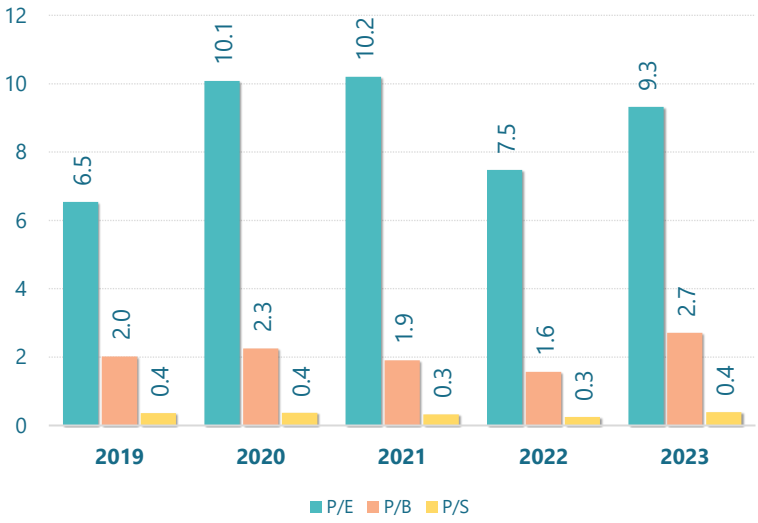
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)